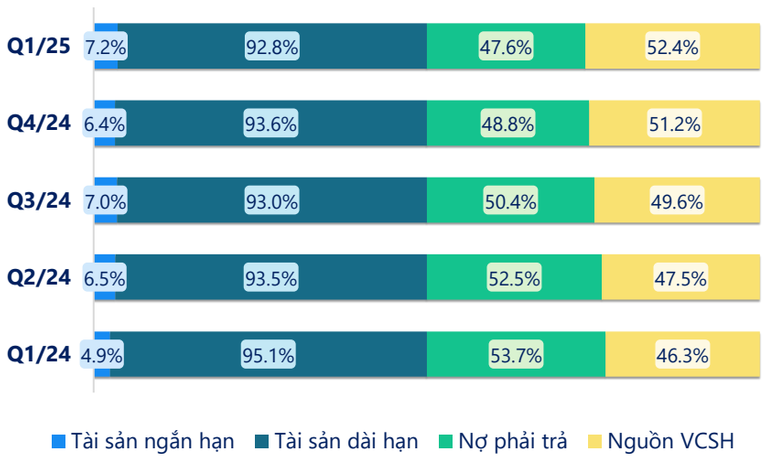
FireAnt

CTCP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành (HSX: TTA)

Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	11,750
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	13,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,800
SL cổ phiếu LH	170,057,593
KLGD BQ 20 phiên (CP)	643,145
% sở hữu nước ngoài	1.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,998
P/E	8.5
EPS	1,389

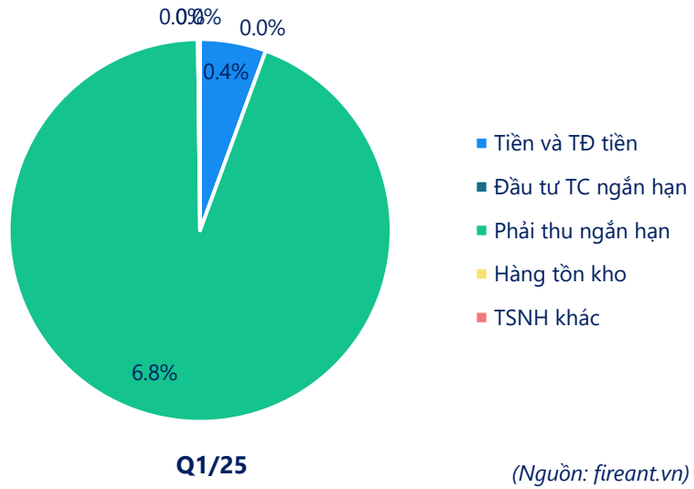
	YTD	1T	3T	6T
TTA	-6.4%	-7.5%	-10.6%	17.7%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



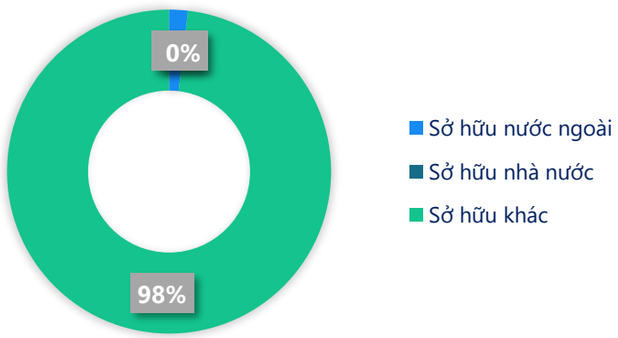
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



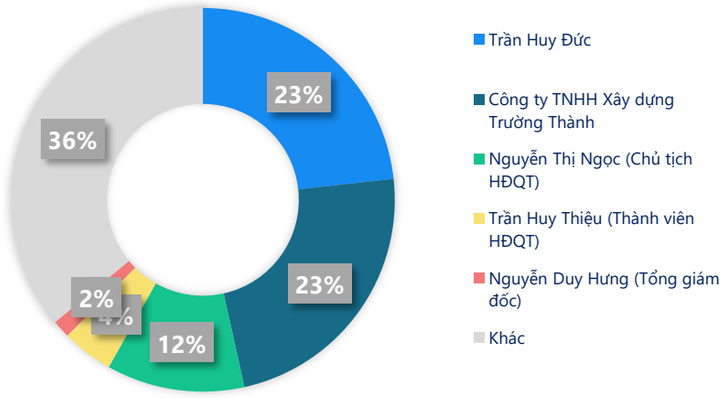
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



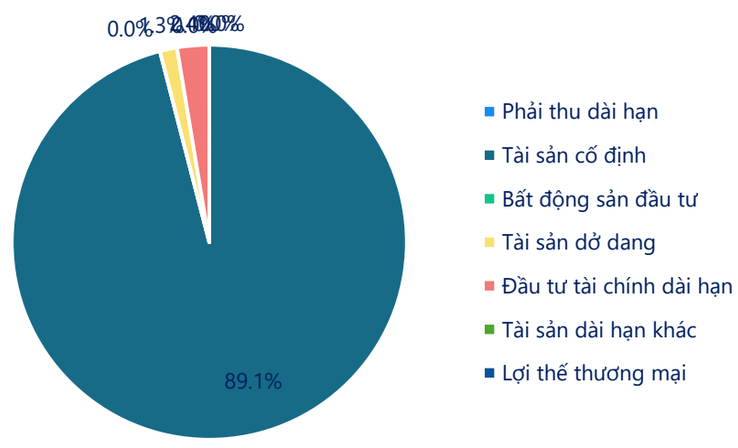
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

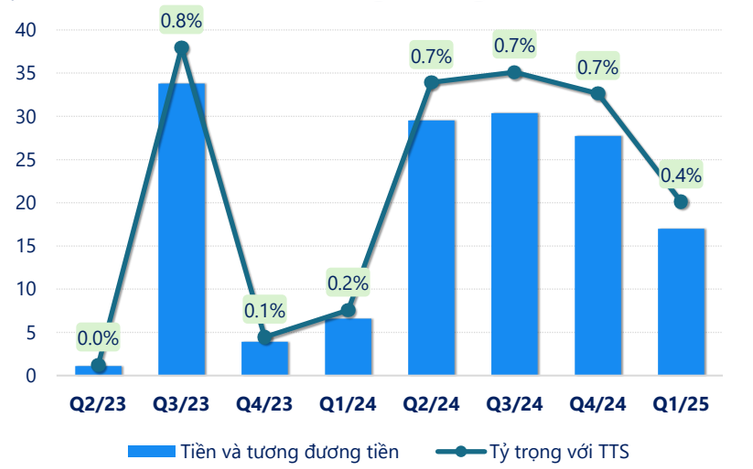


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

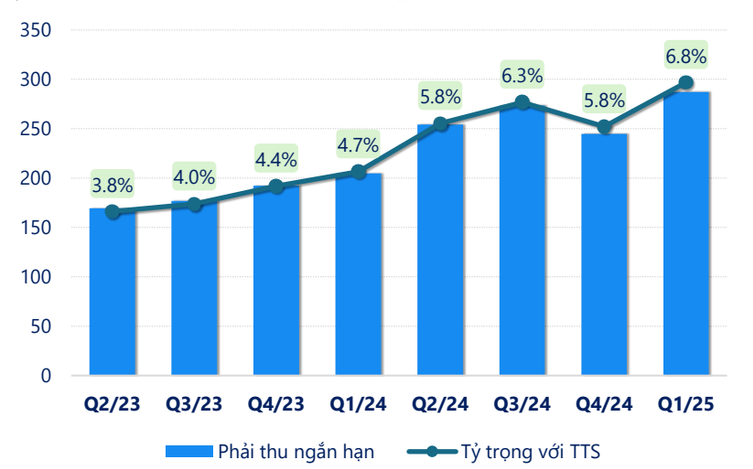
CTCP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành (HSX: TTA)

Tiền và tương đương tiền



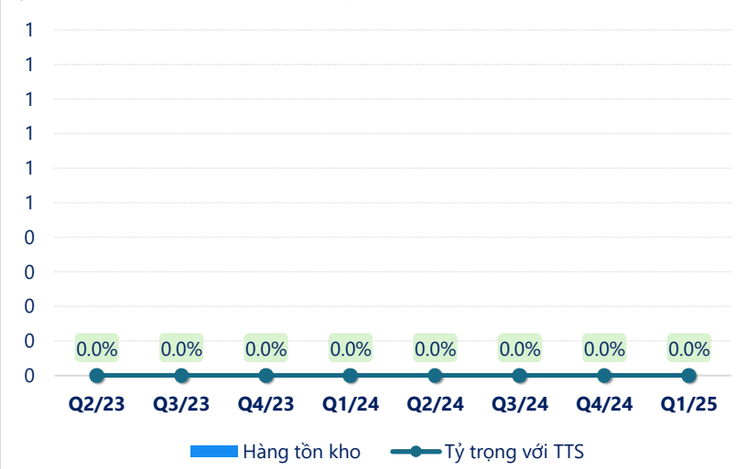
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



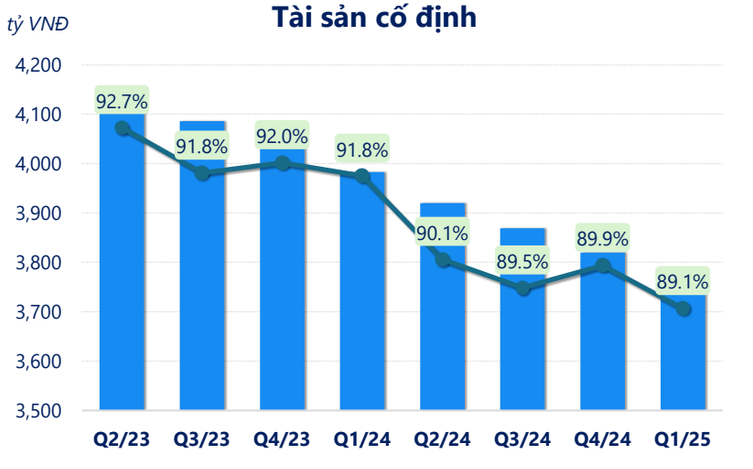
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



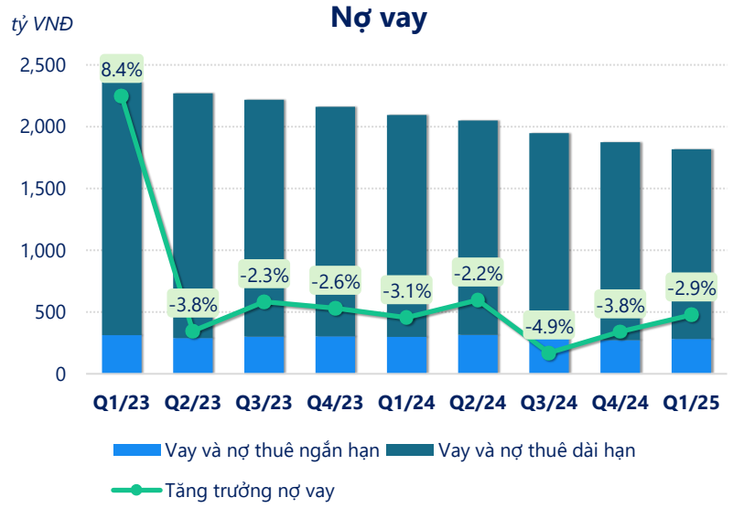
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



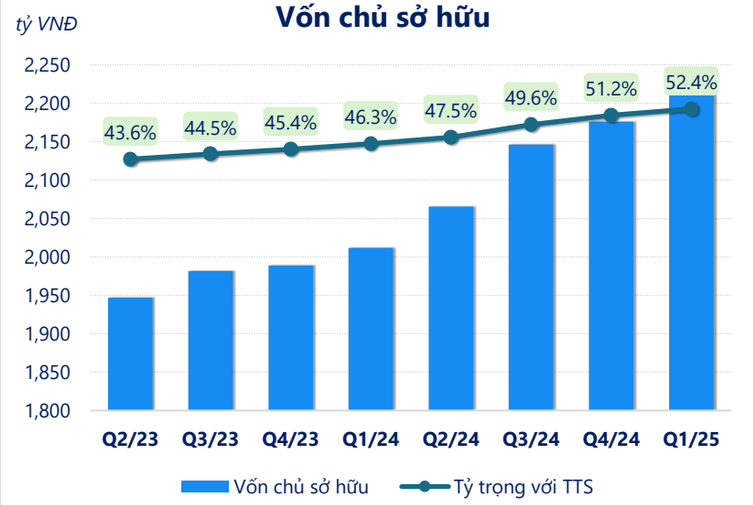
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

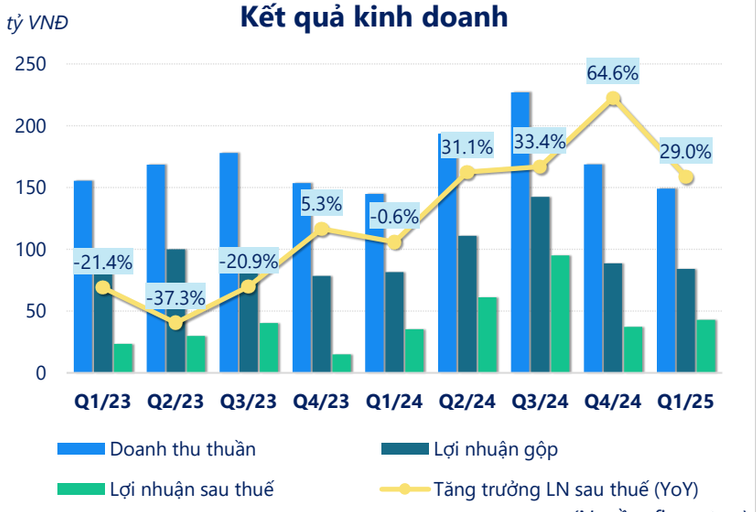


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

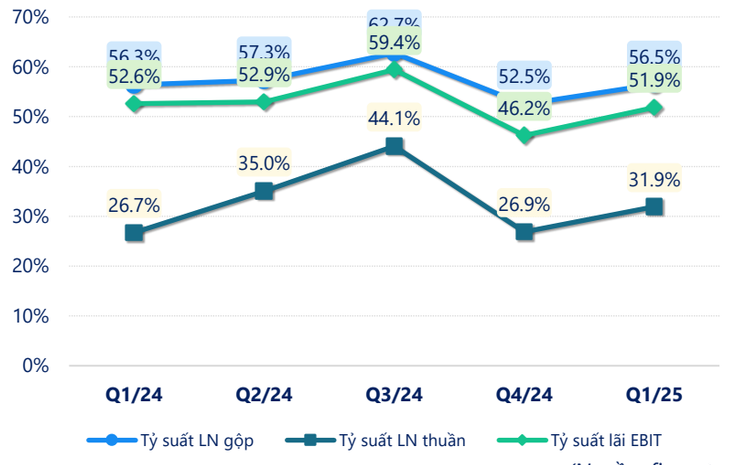
CTCP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành (HSX: TTA)

Kết quả kinh doanh



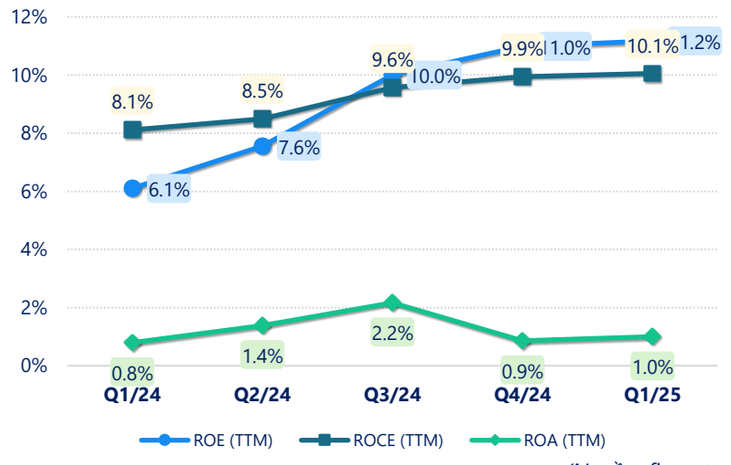
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



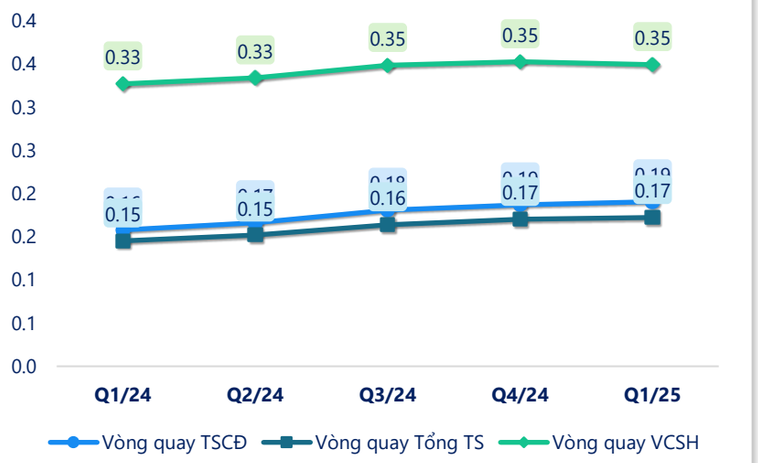
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



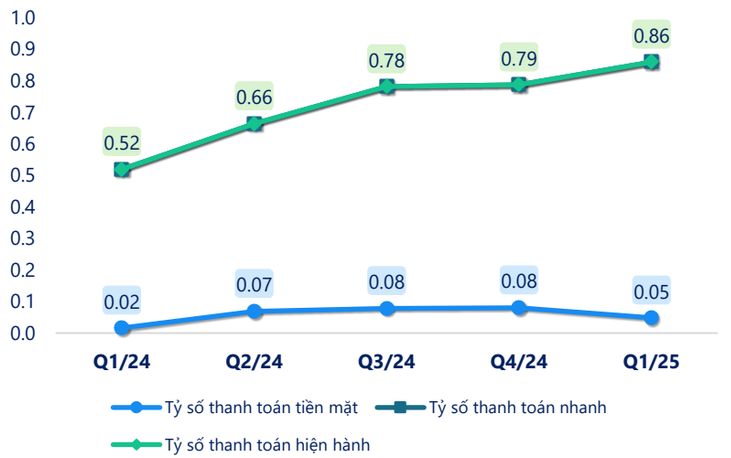
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



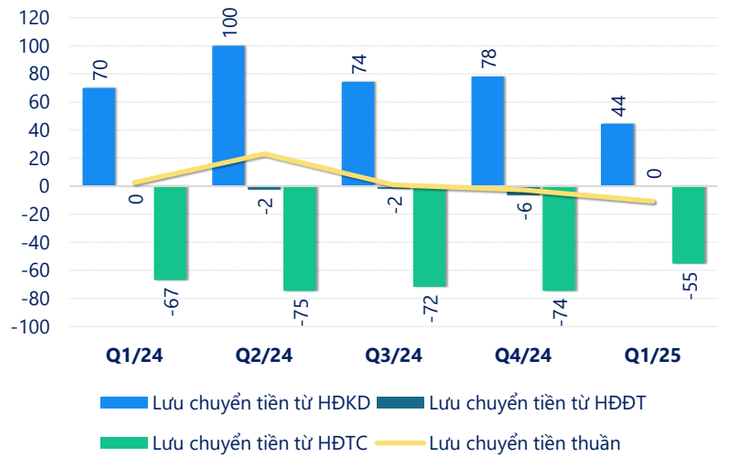
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành (HSX: TTA)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**4,231**	**4,251**	**-0.5%**
Tài sản ngắn hạn	305	273	11.7%
Tiền và tương đương tiền	17.0	27.7	-38.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	287	245	17.4%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0.57	0.43	31.8%
Tài sản dài hạn	**3,927**	**3,978**	**-1.3%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	3,769	3,820	-1.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	55.2	55.1	0.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	103	103	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.07**	**0.08**	**-17.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,015	2,072	-2.7%
Nợ ngắn hạn	**355**	**347**	**2.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	282	274	3.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	3.37	3.37	-0.1%
Nợ dài hạn	1,661	1,725	-3.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,536	1,599	-4.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,216**	**2,179**	**1.7%**
Vốn chủ sở hữu	**2,216**	**2,179**	**1.7%**
Vốn điều lệ	1,701	1,701	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	145	194	227	169	149
Giá vốn hàng bán	63.2	82.6	84.6	80.2	64.8
Lợi nhuận gộp	81.6	111	142	88.6	84.1
Doanh thu HĐTC	0.00	0.01	0.02	0.23	0.01
Chi phí TC	38.0	37.0	35.9	35.2	30.8
Chi phí lãi vay	38.0	37.0	35.9	35.2	30.8
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	4.93	6.06	6.51	8.25	5.81
LN thuần từ HĐKD	38.7	67.8	100	45.4	47.5
Lợi nhuận khác	-0.50	-2.40	-1.06	-2.56	-1.10
LN trước thuế	38.2	65.4	99.0	42.8	46.4
Lợi nhuận sau thuế	35.4	61.2	95.0	37.2	42.8
LNST của CĐ cty mẹ	35.4	61.2	95.0	37.2	42.8

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	69.9	100.0	74.2	78.1	44.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.43	-2.50	-1.73	-6.30	0.06
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-66.8	-74.5	-71.6	-74.4	-55.2
Tiền đầu kỳ	3.91	6.58	29.5	30.4	27.7
Lưu chuyển tiền thuần	**2.68**	**22.9**	**0.85**	**-2.64**	**-10.7**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	6.58	29.5	30.4	27.7	17.0

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic